

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 24/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29215053420	Lê Phước An	04/04/2005	Đắk Lắk	31SBN4	7.3	7.8	Đạt	
2	27212201867	Lê Thành An	05/07/2002	Quảng Ngãi	30SSC7	9.3	3.5	Không Đạt	
3	26205339252	Đỗ Thị Vân Anh	03/10/2002	Quảng Ngãi	31SBN4	8.0	8.3	Đạt	
4	26205335565	Dương Thị Lan Anh	29/11/2002	Thanh Hóa	31SBN4	8.0	7.0	Đạt	
5	26205339254	Nguyễn Cao Thùy Anh	08/07/2002	Huế	31SBN4	8.0	8.3	Đạt	
6	28207136561	Nguyễn Thị Ngọc Anh	23/07/2004	Phú Yên	31TYC5	5.0	5.0	Đạt	
7	29204855550	Nguyễn Trần Văn Anh	25/04/2005	Quảng Nam	31SHT4	6.7	3.8	Không Đạt	
8	28205201090	Trần Thị Ngọc Ánh	04/02/2004	Đắk Lắk	31SHT4	7.0	5.0	Đạt	
9	27207128881	Bùi Thị Tuyết Ba	26/09/2003	Quảng Nam	31SBN4	8.7	4.0	Không Đạt	
10	28207144825	Trần Nguyễn Bảo Châu	18/12/2004	Đà Nẵng	31TYC5	6.0	5.0	Đạt	
11	27215351394	Mai Hoàng Hải Đăng	20/04/2000	Kon Tum	31SBN5	V	V	Không Đạt	
12	27215402645	Lê Nguyễn Trung Định	02/07/2003	Kon Tum	31SHT4	8.3	6.3	Đạt	
13	27211321595	Đặng Duy Đức	26/04/2003	Đắk Lắk	31TYC6	3.7	5.3	Không Đạt	
14	27213728635	Trần Quý Dương	29/03/2003	Đắk Lắk	30CHT9	6.3	2.0	Không Đạt	
15	27205252641	Huỳnh Ngọc Kỳ Duyên	18/11/2003	Quảng Ngãi	31SBN5	H	H	Không Đạt	
16	28216503565	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	21/07/2004	Gia Lai	31CHT3	5.0	5.0	Đạt	
17	26203341588	Võ Thị Thanh Duyên	24/12/2002	Đà Nẵng	31SHT4	7.7	8.8	Đạt	
18	29207362946	Trần Bảo Hân	15/02/2005	Bình Định	31SBN4	6.0	5.3	Đạt	
19	28204101935	Lâm Trần Hồng Hạnh	27/12/2004	Quảng Nam	31SHT4	8.0	5.5	Đạt	
20	28206501604	Trần Thị Hiền	11/11/2004	Nghệ An	31TYC4	7.0	3.0	Không Đạt	
21	29207340144	Nguyễn Hải Hoài	02/08/2005	Gia Lai	31SBN4	8.3	4.3	Không Đạt	
22	28217102547	Phạm Tấn Hoàng	26/04/2004	Quảng Bình	31TYC5	5.0	5.3	Đạt	
23	25212108485	Đặng Quốc Huy	16/09/2001	Đà Nẵng	28CSC1	V	V	Không Đạt	
24	27218202142	Nguyễn Phạm Minh Huy	07/11/2002	Gia Lai	31SBN4	6.3	8.0	Đạt	
25	27218243140	Thái Văn Hy	06/05/2003	Quảng Nam	31SBN4	5.0	7.5	Đạt	
26	25211608085	Lê Hữu Khánh	09/03/2001	Bình Định	31SBN5	6.3	5.0	Đạt	
27	29204359123	Lê Thị Linh Linh	22/08/2005	Quảng Nam	31SBN4	7.3	6.0	Đạt	
28	28204743180	Lê Tổng Khánh Linh	05/04/2004	Nghệ An	31SHT2	5.3	5.0	Đạt	
29	26211031383	Trương Thành Long	18/09/2001	Hồ Chí Minh	31SBN5	1.3	7.8	Không Đạt	
30	29214539868	Võ Như Long	17/07/2005	Quảng Ngãi	31SHT4	6.3	5.8	Đạt	
31	28204349830	Lê Thị Cẩm Ly	03/11/2004	Quảng Ngãi	31CSC3	6.3	5.0	Đạt	
32	27215327683	Lại Thế Nhật Minh	16/07/2003	Thanh Hóa	31SBN5	H	H	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28204603317	H Uyên	Mr	11/11/2004	Đăk Lăk	31SHT4	7.3	5.0	Đạt	
34	28206500271	Bùi Huyền	My	10/11/2004	Quảng Ngãi	31CHT3		5.0	Không Đạt	
35	27205445680	Hồ Lê Hà	My	07/02/2003	Quảng Ngãi	31SYC3	10.0	9.3	Đạt	
36	26202224645	Nguyễn Thị Thảo	My	16/06/2002	Quảng Nam	30TYC3	V	V	Không Đạt	
37	28206651255	Phạm Ngọc Hiền	My	10/04/2003	Quảng Bình	31SHT4	9.7	8.3	Đạt	
38	28204301857	Lê Thị Lê	Na	09/12/2004	Quảng Ngãi	31SBN4	5.0	6.8	Đạt	
39	27215332590	Trịnh Lê	Na	26/09/2003	Thanh Hóa	31SBN4	7.7	5.5	Đạt	
40	28204929816	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	30/01/2004	Đà Nẵng	31CBN2	5.0	4.0	Không Đạt	
41	28204645867	Phan Thị Kim	Ngân	03/08/2004	Quảng Trị	31SBN5	8.7	7.0	Đạt	
42	29208154532	Mai Thị	Ngọc	07/07/2003	Đà Nẵng	31CHT3	6.3	3.0	Không Đạt	
43	29217238433	Đoàn Vĩnh	Nguyên	24/03/2005	Quảng Nam	31SBN5	8.0	8.8	Đạt	
44	28214103854	Phạm Khải	Nguyên	29/03/2004	Đà Nẵng	31SHT4	8.3	5.8	Đạt	
45	26205341670	Nguyễn Đức Hạnh	Nhân	17/08/2002	Huế	31SBN4	9.3	10.0	Đạt	
46	27218227933	Mai Văn	Nhật	16/01/2003	Quảng Nam	31SBN4	4.0	6.5	Không Đạt	
47	27205426908	Phan Tuyết	Nhi	14/11/2003	Bình Định	31SHT4	8.7	5.5	Đạt	
48	27205450495	Trần Thị	Như	04/10/2003	Phú Yên	31SHT4	8.7	8.3	Đạt	
49	28207152926	Võ Quỳnh	Như	15/08/2004	Phú Yên	31TYC5	5.0	4.3	Không Đạt	
50	28204644658	Hồ Thị Cẩm	Nhung	09/10/2004	Quảng Nam	31SHT4	5.3	3.0	Không Đạt	
51	29217357338	Nguyễn Gia	Phong	27/04/2005	Hồ Chí Minh	31SBN4	6.3	5.5	Đạt	
52	29219324052	Trịnh Gia	Phúc	14/09/2005	Quảng Ngãi	31SHT4	8.0	3.8	Không Đạt	
53	28204604033	Lê Trúc	Phương	15/11/2004	Quảng Nam	31SBN5	7.3	5.8	Đạt	
54	28207106149	Nguyễn Thị	Phương	14/11/2004	Quảng Trị	31TYC5	3.0	5.0	Không Đạt	
55	28207100376	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	17/11/2004	Gia Lai	31CSC3	5.0	5.5	Đạt	
56	26205333653	Nguyễn Thu	Phương	15/07/2002	Bình Định	31SBN4	7.3	9.0	Đạt	
57	28213548970	Nguyễn Oanh	Quốc	16/06/2004	Quảng Ngãi	31SBN5	8.7	8.0	Đạt	
58	25207209274	Trần Thị Hạnh	Quý	18/11/2000	Quảng Nam	31SBN4	8.0	6.5	Đạt	
59	30202858625	Đỗ Nguyên Khiết	Quỳnh	21/06/2006	Đà Nẵng	31SBN5	5.0	6.0	Đạt	
60	27205437750	Lê Diễm	Quỳnh	02/09/2003	Bình Định	31SHT4	7.0	7.3	Đạt	
61	29212254589	Bùi Đông	San	16/09/2005	Quảng Nam	31SBN4	2.7	2.5	Không Đạt	
62	28214903826	Hà Phước	Son	19/04/2004	Quảng Bình	31SHT4	2.3	2.8	Không Đạt	
63	28214741629	Trần Thiện	Tâm	20/09/2004	Quảng Nam	31THT4	7.0	3.8	Không Đạt	
64	29205126998	Bùi Thị Thanh	Thảo	08/10/2005	Đà Nẵng	31CHT3	3.7	3.8	Không Đạt	
65	29207342164	Đinh Thị Phương	Thảo	16/12/2005	Đăk Lăk	31SBN4	3.0	8.3	Không Đạt	
66	28206554765	Lê Thị Kim	Thảo	03/02/2004	Đăk Lăk	31THT3	5.3	3.8	Không Đạt	
67	29206558750	Phan Thị Phương	Thảo	14/01/2005	Quảng Nam	31SBN5	3.7	5.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	29204659857	Trần Thị Thu	Thảo	21/05/2005	Quảng Bình	31SBN5	8.0	5.5	Đạt	
69	29206265619	Trần Thị Thu	Thơ	22/01/2004	Đà Nẵng	31SHT4	8.7	7.0	Đạt	
70	28214647359	Nguyễn Hữu	Thu	26/12/2004	Quảng Nam	31SHT4	4.0	3.5	Không Đạt	
71	28204603713	Đoàn Thị Bích	Thủy	11/03/2004	Quảng Nam	31SBN5	5.0	7.0	Đạt	
72	27215342200	Đoàn Nguyễn Quốc	Tiến	28/10/2003	Quảng Ngãi	31SBN5	H	H	Không Đạt	
73	29204361156	Phạm Thị Mỹ	Trang	02/09/2005	Quảng Ngãi	31SBN4	9.7	8.3	Đạt	
74	29206524490	Võ Thị Huỳnh	Triều	29/10/2005	Quảng Nam	31SBN5	5.7	5.5	Đạt	
75	27211340550	Phùng Đức	Trọng	22/09/2003	Nam Định	31SBN2	5.3	4.0	Không Đạt	
76	28204644286	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	01/04/2004	Quảng Trị	31SBN5	8.7	7.5	Đạt	
77	27217000388	Hoàng Anh	Tuấn	13/02/2003	Quảng Trị	30TYC10	8.0	3.0	Không Đạt	
78	28204606490	Nguyễn Hoàng Thảo	Uyên	21/03/2004	Đà Nẵng	31TBN6	5.3	5.0	Đạt	
79	29206565555	Nguyễn Phạm Thùy	Vi	21/01/2005	Quảng Nam	31SBN5	7.0	5.3	Đạt	
80	27214730270	Nguyễn	Vũ	02/02/2003	Quảng Nam	31SBN4	7.3	6.8	Đạt	
81	29216120372	Nguyễn Lê Anh	Vũ	09/07/2005	Đắk Lắk	31SHT4	9.3	7.5	Đạt	
82	28206541123	Lê Thị	Vy	22/02/2004	Quảng Nam	31THT2	7.0	5.0	Đạt	
83	28206603863	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	19/10/2003	Đà Nẵng	31SHT4	4.0	5.3	Không Đạt	
84	28208006601	Nguyễn Thị Thảo	Vy	09/10/2004	Gia Lai	31TYC2	9.3	5.0	Đạt	
85	30204557512	Trần Thị Thảo	Vy	07/07/2006	Quảng Nam	31SBN5	9.7	8.3	Đạt	
86	29204659993	Phạm Thị Hải	Yến	28/11/2005	Đắk Nông	31SBN5	8.7	10.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh